

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23/9/2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Lâm;
2. Ông Đặng Minh Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Châu Thị Hoài Phương – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 187/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1984; hộ khẩu thường trú: Số A, đường B, Khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Nhà trọ Uyên Thi, X, đường Y, Khu phố Z, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Bị đơn: Ông Huỳnh Thanh H, sinh năm 1983; hộ khẩu thường trú: Số A, đường B, Khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Nhà trọ Uyên Thi, X, đường Y, Khu phố Z, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/5/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Huỳnh Thanh H kết hôn năm 2003 có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc cùng nhau lo cho các con nhưng khoảng 02 năm nay bà và ông H phát sinh mâu thuẫn do không còn tình cảm, mặc dù vợ chồng không xảy ra cãi nhau, đánh nhau nhưng hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Thanh H.

Về con chung: Bà Nguyen Thi Thanh T và ông Huynh Thanh H có 02 con chung gồm cháu Huynh Hai Y, sinh ngày 24/6/2004 và Huynh Hai P, sinh ngày 30/5/2011. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục các con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Huynh Thanh H: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Huynh Thanh H không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyen Thi Thanh T.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Nguyen Thi Thanh T có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn ông Huynh Thanh H đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật, bị đơn ông Huynh Thanh H không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định tại Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật:* Ngày 12/5/2020, bà Nguyen Thi Thanh T có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và tranh chấp nuôi con với ông Huynh Thanh H nên đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quy định tại Điều 51, Điều 53, Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. *Về thẩm quyền:* Bị đơn ông Huynh Thanh H sinh sống và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[1.3] *Về việc tham gia phiên tòa của đương sự:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bị đơn là ông Huynh Thanh H theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Nguyên đơn bà Nguyen Thi Thanh T có đơn đề

nghe Tòa án giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Huỳnh Thanh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại UBND phường P, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27, ngày 24/3/2004 nên quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Bà T trình bày sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc cùng nhau lo cho các con nhưng khoảng 02 năm nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không còn tình cảm với nhau và đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông H. Xét thấy, bà T và ông H không còn sống chung với nhau, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc. Bà T xác định không còn tình cảm với ông H. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ ông H nhiều lần để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng ông H không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, điều này chứng tỏ ông H không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa bà T và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T về việc ly hôn với ông Huỳnh Thanh H.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Huỳnh Thanh H có 02 con chung gồm cháu Huỳnh Hai Y, sinh ngày 24/6/2004 và Huỳnh Hai P, sinh ngày 30/5/2011. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Xét thấy hiện nay cháu Y và cháu P còn nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ. Đồng thời, các cháu có nguyện vọng sống cùng với bà T. Do đó giao cháu Y và cháu P cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét thấy, quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng); ông Huỳnh Thanh H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyen Thi Thanh T đối với ông Huynh Thanh H về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyen Thi Thanh T được ly hôn với ông Huynh Thanh H.

- Về con chung: Bà Nguyen Thi Thanh T được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Huynh Hai Y, sinh ngày 24/6/2004 và Huynh Hai P, sinh ngày 30/5/2011.

- Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra do đương sự không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với người không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyen Thi Thanh T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0041855 ngày 21/5/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường Phú Mỹ;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nga